

NGUYỄN-PHƯƠNG

02

NĂM 'VIỆT-SU'

1802-1884

CHƯƠNG-TRÌNH LỚP ĐỆ-NHỊ

**ĐẠI-HỌC SƯ-PHẠM HUẾ
XUẤT - BẢN**

1963

NGUYỄN PHƯƠNG

Kính tặng
tài gia
Nguyễn

82 NĂM VIỆT-SỬ'

1802—1884)

CHƯƠNG-TRÌNH LỚP ĐỆ-NHỊ

ĐẠI-HỌC SU-PHẠM HUỆ

KUẤT BẢN

1963

X/13
458A

D 5 5 5 5
.8
N48
1963
MAIN

LỜI GIỚI-THIỆU
CỦA L.M. VIÊN-TRƯỜNG
VIỆN ĐẠI-HỌC, HUẾ

Trường Đại-học Sư-phạm Huế chẳng những có một mục-đích cần phải đạt tới hằng năm, mà còn có một hoài-bảo cần phải ôm ấp mãi mãi. Mục-đích đó là gì, và hoài-bảo đó như thế nào ?

Về mục-đích của trường Đại-học Sư-phạm, có lẽ không ai mà không biết. Mục-đích đó chính là đào tạo giáo-chức, để cung ứng cho nhu-cầu dạy-dỗ của bậc Trung-học. Để đạt mục-đích, trường Đại-học Sư-phạm đã cố-gắng không ngừng trong việc huấn-luyện giáo-sinh cho thông thạo nghề giảng dạy và yêu-mền nghề đó. Giáo-sinh, trong ba năm trường, phải học cách dạy, và điều phải dạy, cùng phải thực-tập nhiều lần để minh-chứng rằng nghề mình phải học, giáo-sinh đã nắm chắc trong tay và từ nay có thể đem ra thi-hành.

Nhưng giảng dạy trong bậc Trung-học cần phải có sách giáo-khoa làm căn-bản. Ở đây, sách giáo-khoa làm cốt-yếu của kiến-thức, và một giáo-sư lành nghề chính là người có tài di chuyển kiến-thức từ quyển giáo-khoa tế lạnh vào trong những bộ óc đầy khí sống của học-sinh. Sách giáo-khoa quan hệ như thế, nên

việc hoàn thành sách giáo-khoa cần thiết phải do những nhà chuyên-môn sư-phạm, vì các vị này vừa có kinh-nghiệm bản thân trong việc dạy-dỗ, vừa biết phương-pháp để trình-bày điều phải dạy cho đầy đủ, đúng đắn, và hợp với trình-độ từng lớp. Nhưng hỏi phải tìm đâu cho có những nhà chuyên-môn đó, nếu không phải là ở chính trường Đại-học Sư-phạm và ở những người do trường đào-tạo ra ? Vì vậy, việc thực hiện sách giáo-khoa còn là một hoài bão trường Đại-học Sư-phạm Huế đang theo đuổi.

Chính hoài-bảo này, nay Trường Đại-học Sư-phạm Huế đang bắt đầu thực-hiện. Ông Khoa-trưởng trường đang cho xuất-bản tập « 82 NĂM VIỆT-SỬ » do ban Sư-học của trường soạn-thảo theo chương trình Đề-nhiệm Trung-học. Thật là một quyển giáo-khoa chép rất công-phu và đúng theo phương-pháp. Nhân dịp này, tôi xin hân-hạnh giới- thiệu sách đó cùng quý vị giáo-sư và tất cả học-sinh các lớp Đề Nhị, và hy-vọng rằng Trường Đại-học Sư-phạm tiếp tục cho ra nhiều tập giáo-khoa khác nữa để cung cấp cho việc giảng dạy ở bậc Trung-học một nền-tảng vững-chắc hơn.

Huế, ngày 21 tháng 3 năm 1963.

L.M. CAO-VĂN-LUẬN

Lời giới- thiệu

của ÔNG KHOA-TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI-HỌC SƯ-PHẠM, HUẾ

Trong quan-niệm nhìn nhận sử học như một khoa-học nhân-văn, cần, sử-dụng trong lối nghiên-cứu nhiều phương-pháp thực-nghiệm, cần trình-bày và giải-thích những biến-cổ lịch-sử theo một lối suy-luận căn-bản trên một quan-điểm hân-hoi, Linh-mục Nguyễn Phụng, Giáo-sư Sư-học tại Khoa chúng tôi đã hướng-dẫn một số cựu giáo-sinh Đại-học Sư-phạm Huế hiện nay đang giảng - dạy tại các trường Trung - học, để thực - hiện một quyển sử phù-hợp với chương-trình Đề Nhị bậc Trung-học hiện nay.

Quyển « 82 năm Việt-sử » này được thành hình trong tất cả cố-gắng của các tác-giả để đem lại cho học-sinh Trung-học không những một quyển sách giáo-khoa, mà chính còn cả một tài-liệu quý báu được trình-bày theo một phương-pháp rất công-phu, dựa trên một quan-điểm duy-lý và hiện-thực hầu mong đáp ứng với nhu-cầu học hỏi của các học-sinh bây giờ. Chúng tôi cũng nghĩ rằng một công-trình trước-tác đầu tiên, tất nhiên phải gặp nhiều khó khăn, nhưng suốt cả tác-phẩm, các tác-giả đã ý thức được mọi vắn-đề và lần lượt vượt qua trong một tinh-thần tham-khảo tài-liệu và giải-thích vững-vàng, xứng-đáng là những con người yêu-chuộng sử-học và biết nghiên-cứu sử. Những ưu-điểm đó của các tác-giả thúc đẩy chúng tôi cho quyển « 82 năm Việt-sử » phát-hành, để đóng góp một phần nhỏ vào tờ sách giáo-khoa Trung-học hiện đang bị lũng-đoạn vì hoàn-cảnh và đang đòi hỏi những cô-

gắng mới mẻ không ngừng ở nơi các giáo-sư dạy Sứ có lương-tâm trách-nhiệm, có tinh-thần yêu chuộng môn mình giảng-dạy như chính cuộc đời của mình.

Ý-nghĩa của quyển sách này còn được các tác-giả trình-bày rõ-ràng ở trong « Lời dẫn nhập ». Khoa chúng tôi, ý-thức rõ trách-vụ của mình không những là đào-tạo giáo-chức mà còn phải cung ứng những tài-liệu giáo-khoa chính-xác cho các giáo-chức ấy hành nghề, nên đã không ngần-ngại cho ấn-hành quyển « 82 năm Việt-sử » này như ấn-phẩm đầu tiên của chúng tôi gởi vào đại gia đình Trung-học, để từ đây tạo nên mối liên hệ mật-thiết cũng như sự thông-cảm sâu xa giữa một nền Trung-học cần được cải-thiện trước ngưỡng cửa của một nền Đại-học đang thành hình.

Huế, ngày 17 tháng 5 năm 1963.

LÊ - VĂN

Lời dẫn nhập

Giả sử chúng ta thuộc về một quốc tịch khác và đến Việt-Nam vì một mục đích nào đó trong một thời gian, việc học Việt-sử đã là cần để đạt mục đích của chúng ta ở Việt-Nam trong thời gian đó, vì một mục đích đáng theo đuổi ở Việt-Nam chẳng những nó có hiện tại, mà nó còn có quá khứ gây nên sự cần thiết của công việc chúng ta đang đến làm.

Rồi, giả sử chúng ta là người Việt-Nam, nhưng trong lòng đã nuôi sẵn ý tưởng phản bội, là hay thì ở, dở thì đi — đi đâu cũng được —, chúng ta cũng còn cần phải học sử Việt-Nam để có thể biết trước, biết sau, mà cân nhắc lúc hay lúc dở, ngõ hầu khỏi phải hối hận khi đã ra đi.

Sau hết, giả sử chúng ta là người Việt-Nam muốn sống mãi ở Việt-Nam, nhưng đầy tính ý lại hèn nhát, muốn nước ngoài viện trợ hoài mãi cho dễ sống, bây giờ chúng ta cũng vẫn còn học Việt-sử, để có thể dùng của viện trợ cho đáng theo đòi hỏi của dân tộc, tức là sức thúc đẩy của lịch sử.

Nhưng, phần chúng ta, chắc chắn chúng ta không đứng vào các trường hợp đó. Sinh ra ở Việt-Nam, chúng ta chẳng những hành diện làm công dân Việt-Nam, mà còn mong góp hết sức lực vào việc xây dựng xứ sở. Không phải người ngoại bang, cũng không muốn phản bội tổ quốc hay hèn nhát ý lại, chúng ta cương quyết đẩy mạnh đà tiền triển của nước nhà về phương diện chính trị, kinh tế, xã-hội. Vì muốn tích cực tham gia vào công cuộc cải tiến đó, việc trước tiên chúng ta phải làm là học sử Việt-Nam. Tại sao thế? Chính là tại lịch sử là kho của báu mà các chính trị gia, kinh tế gia, hay các

nhà xã-hội học phải dùng để làm việc. Không có kho chứa báu đó, là công việc họ thiếu căn bản, thiếu thiết thực, vô ích. Thật, lịch sử vô cùng quan trọng cho nước nhà.

Chính vì sự quan trọng đó, nên sử gia phải rất cẩn thận trong việc chép nó. Trình bày sự kiện một cách thiên lệch, không chính xác, hay giải thích một cách sai lạc, tất nhiên sẽ chẳng khác gì bỏ của giả vào kho, hay đem tiền giả ra dùng. Sự tiến bộ về chính trị, kinh tế, xã hội, sẽ không thể thực hiện được với kho tàng giả đó !

Để tránh nạn giả tạo rất nguy hiểm này, khi viết quyển « 82 năm Việt-sử » chúng tôi đã hết sức áp dụng phương pháp sử học trong việc sưu tầm và cân án sử liệu. Chẳng những chúng tôi đã phải dùng đến các văn kiện chữ Hán như Châu bản, hay Thực lục (từ đệ nhất đến đệ tứ kỷ), chẳng những chúng tôi đã dùng đến sử liệu do người Pháp viết về thời đại này, mà chúng tôi còn lưu ý đến khuynh hướng chung của từng loại sử liệu, biết rằng tài liệu Pháp, rất có thể bênh vực thực dân, và, cẩn thận hơn tí nữa, chúng tôi cân nhắc giá trị từng tác giả, từng sự kiện một.

Tuy nhiên, viết sử không phải là chỉ đem tài liệu ra sắp lại với nhau. Nó đòi cả một tài năng tổng hợp và một nghệ thuật trình bày. Hơn nữa, đây không phải chỉ viết sử theo nghĩa thường, mà lại là viết một quyển sử để dùng làm sách giáo-khoa. Nói theo nghĩa là ngoài việc tổng hợp và trình bày làm sao cho đúng đắn, mạch lạc, hấp dẫn, người viết còn phải thu gọn sự thật lịch sử lại theo một khuôn khổ, cho vừa một trình độ, mà thu gọn thế nào để khỏi phương hại đến bản tính của biên cò và tầm quan trọng của nó. Thật là một công việc tỉ mỉ, khó khăn.

Để vượt trở ngại này, chúng tôi đã dùng hai phương pháp, làm việc với thời gian và chung sức của nhiều người. Về thời gian, chúng tôi đã để ra ba năm để nghiên cứu, bàn luận, thảo ra rồi đem dạy thử để dò phản ứng và kết quả nơi học sinh. Về sự chung sức, chúng tôi đã thu góp kinh nghiệm của các cựu Giáo-sinh Đại-học Sư-phạm Huế, hiện làm Giáo-sư ở các trường Trung học Đệ Nhị cấp. Sách tuy do một người viết để có sự đồng nhất về văn thể, quán xuyên về cách trình bày, nhưng công việc là của chung tất cả những người có tên sau đây

Ông Nguyễn hữu Châu-Phan, Giáo-sư viện Hán-học, Huế;
Tôn thất Tuệ, Giáo-sư trường Võ Tánh, Nha-trang;
Trần Việt Ngạc, Giáo-sư trường Nguyễn Huệ, Tuy-hòa;
Đỗ Việt Lê, Giáo-sư trường Trần-quốc Tuấn, Quảng-ngãi;

Cô Lê thị Liên, Giáo-sư trường Quốc-học, Huế;

Ông Nguyễn ngọc Anh, Giáo-sư trường Trần quý Cáp, Hội-an;

Đặng như Đức, Giáo-sư trường Phan chu Trinh, Đà-nẵng;

Nguyễn đức Giang, Giáo-sư trường Cường Đê, Qui-nhơn;

Trương ngọc Phú, Giáo-sư trường Quốc-học, Huế;

Nguyễn văn Sang, Giáo-sư trường Nguyễn Hoàng, Quảng-trị;

Vĩnh Tiên, Giáo-sư trường Bùi thị Xuân, Đà-lạt;

Cô Lê-khắc ngọc Khuê, Giáo-sư Trường Nữ, Nha-trang;

Ông Đỗ Nguyên, Giáo-sư, hiện đang tòng quân;

Bừu Quê, Giáo-sư, hiện đang tòng quân;

Vậy trong 10 chương, dọn thành 10 bài học sau đây, trước tiên chúng tôi đem từng vấn đề lịch sử ra trình bày theo một dàn bài chúng tôi cho là hợp lý, rõ ràng từng điểm lớn bé tùy thứ tự quan trọng của nó. Sau mỗi bài, chúng tôi lại nhắc lại lần nữa các điều đã nói, nhưng không phải bằng một đoạn toát yếu nhỏ, mà bằng một dàn bài chi tiết. Dàn bài này vừa giúp ôn lại vấn-đề, vừa cho thấy tổng quát sự liên lạc của các phần trong vấn đề.

Rồi đến một thư mục nhỏ, nêu lên các sách tham khảo chính. Chúng tôi không thể lược chú các nguồn sử liệu đó ngay ở từng trang, trừ những chỗ rất cần, nên phải kê các sách tham khảo để người đọc có thể kiểm soát công việc của chúng tôi.

Sau hết, chúng tôi chỉ một số bài đọc thêm có trong phần phụ lục của sách. Các bài này, đều theo dương lịch. Bao giờ vì một lý gì riêng phải dùng âm lịch, chúng tôi sẽ nói rõ.

I

VUA GIA - LONG

(1802 - 1820)

Qua chương trình lớp Đệ Tam, chúng ta đã thấy Nguyễn Ánh tranh đấu với Tây sơn để khôi phục sự nghiệp họ Nguyễn.

Tây sơn đã một thời vùng vẫy Nam, Bắc. Họ đã giết Chúa Nguyễn, diệt họ Trịnh, đập tắt nhà Lê. Họ đã đại phá quân Thanh, làm cho danh tiếng Đại-việt lừng lẫy đến Thiên-triều.

Nhưng sự nghiệp của Tây sơn không được bền bỉ. Khi đã nắm được quyền bính, họ đã trở nên tham tàn, độc ác, làm cho lòng dân ly tán. Đồng thời họ không có tài tổ chức, thiếu óc đoàn kết, anh trị một khu, em làm chủ một vùng. Tất cả đó làm cho họ, oanh liệt thì oanh liệt thật, nhưng chóng suy tàn, nhất là khi kẻ thù của họ lại là một người bền chí và tài ba như Nguyễn Ánh.

Chúng ta cũng đã thấy rằng Nguyễn Ánh, trong một lúc đen tối nhất của lịch sử họ Nguyễn kể từ ngày Nam Bắc phân tranh, với 17 tuổi đầu, đã đứng ra đảm đương công việc dựng lại cơ đồ đang bị lung lay đến tận nền tảng. Sau khi hai Chúa đã bị hại cùng một lúc — cả Thái-thượng-vương (Duệ-tôn), cả Tân-chính-vương — Nguyễn Ánh đã khởi nghĩa từ Long-xuyên để tiến về Sài-côn. Rồi từ đó, suốt 24 năm trời, nghĩa là từ 1778 đến 1802, Nguyễn Ánh đã liên-tiếp chống lại kẻ thù họ Nguyễn. Trong thời gian đó, khi thắng, khi bại, khi chơi voi trên mặt biển, khi lưu lạc đất nước người, ông không bao giờ nản chí, luôn luôn theo đuổi nghĩa lớn, và nhờ đó, cuối cùng đã gây dựng được cơ đồ cũ, thống nhất được giang

son, một mình, với đề hiệu Gia-long, cai trị trên một linh thổ to rộng hơn bao giờ hết về trước, và linh thổ này, chính ông đã đặt cho tên Việt-Nam.

Trong bài này, chúng ta sẽ nhìn kỹ vào vua Gia-long đó, trong 18 năm trị vì, từ 1802 đến 1820.

I — THÂN THỂ GIA-LONG

1. DUNG MẠO VÀ ĐỜI SỐNG HẰNG NGÀY.

Về vua Gia-long, chính sử không chỗ nào miêu tả một cách chi tiết. Nhưng, người Tây phương có dịp gặp vua đã để lại một bức tranh khá đầy đủ. Theo họ, vua có tầm vóc cao hơn người thường một ít, nét mặt đầy đặn, dễ thương, nước da ngăm ngăm vì đã quá giải đấu sương gió. Vua có tính điềm độ, không uống rượu. Bữa ăn chỉ gồm một ít thịt, cá, cơm, rau, bánh, trái. Khi ăn, vua không hề cho ai ngồi đồng bàn, dẫu hoàng hậu cũng thế.

Thường ngày, vua làm việc theo một thời biểu ít khi thay đổi. Ngoài những ngày có đại triều hoặc có việc khẩn cấp, thường buổi sáng vua dậy lúc 6 giờ và ngày nào cũng tắm. Bảy giờ, vua cho các quan yết kiến, đọc các sớ tâu nhận được hôm qua, và truyền cứu xét cùng trả lời. Rồi vua đi thăm sở tạo tác, xem lại các việc đã hoàn thành trong lúc vua vắng mặt. Lỗi 12 giờ trưa, hay 1 giờ chiều, vua dùng bữa ngay ở chỗ đóng tàu, trong thuyền ngự; đồ ăn thường là cháo, cá... Chừng 2 giờ, vua về cung, và ngủ đến 5 giờ mới dậy. Sau khi dùng bữa, vua cho các quan văn võ vào châu để bàn việc. Vua sắp đặt việc nước như vậy cho đến nửa đêm, bảy giờ vào nội điện với gia đình, ăn một bữa nhẹ nữa, xong là đi ngủ.

2. ĐỨC TÍNH

Như đã nhắc lại trên, chính tính kiên nhẫn và cương quyết đã làm cho vua thắng kẻ thù. Ngoài ra, vua Gia-long còn có nhiều đức tính khác, khiến vua thành một người có nhân phẩm cao.

Vua rất có hiếu đối với quốc mẫu, bao giờ cũng lo lắng đầy đủ cho bà trong suốt thời giặc giã. Đối với con cái, vua săn sóc rèn luyện và có lòng thương yêu. Nhưng đáng kể hơn, đó là sự vua có một tâm hồn cương trực, biết thương dân, và có một tâm hiếu biết rộng rãi.

Về tính cương trực, chúng ta thấy rõ được trong việc vua không ngần ngại phạt tội những đại thần, mặc dầu người đó quyền thế đến đâu, nhất là khi họ tỏ ra tham nhũng. Vua đã trải qua kinh nghiệm đau đớn của

Trương phúc Loan, hồi còn nhỏ, nên không còn muốn cho nạn quyền thần áp chế diễn lại. Nhưng vua không độc tài, hoặc độc ác. Có lần vua đã căn dặn đình thần rằng : « Trong khi xử án, ta hoặc nhân có giận việc gì mà xử đoán quá nặng, các người phải cứ phép nói thẳng, nếu không nói, các người cũng có lỗi ». Khi đình thần lần đầu đòi làm tội Nguyễn văn Thành, vì con Thành là Nguyễn văn Thuyền có viết một bài thơ khả nghi, vua nói : « Thành vốn có tội, nhưng phải tôn thể diện cho đại thần mới phải ». Vua chỉ thân ân, cho về nhà. Sau, khi đình thần luận án một lần nữa, và Thành tự tử, vua đã khóc thương, rồi khiến một Chánh đội trung quân cùng 30 tên lính lo việc tang, lại cấp tiền, gấm, vải, lụa nữa.

Nhưng có một điểm chắc chắn Gia-long đã đi quá, khiến cho tiếng đại độ của vua bị thương tổn nhiều, đó là cách vua cư xử với Quang Toản và hài cốt của Quang Trung. Chẳng những vua đã cho quật hài cốt của Nguyễn Huệ lên, đem chặt ra ba khúc, mà còn cho lính lần lượt tiêu-tiến vào hài cốt đó, trước mặt Toản. Nếu vì mê tín sợ hài cốt của Huệ có sức thần thiêng sẽ ủng hộ cho dòng dõi về sau, nên cố làm cho mất tính cách thần thiêng đi; điều đó có thể hiểu được, nhưng sao lại bắt Toản chứng kiến ?

3. LÒNG THƯƠNG DÂN

Trong các đức tính của Gia-long, lòng thương dân tỏ ra đáng kể hơn cả. Ngay khi còn là Nguyễn Ánh, vua đã làm chứng chỗ đó trong suốt một trường hợp đặc biệt. Bảy giờ là lúc quân Xiêm đang thắng Tây sơn ở Gia-định. Chính trong thời đắc thắng này, quân Xiêm đã tung hoành làm hại dân chúng. Nghe tiếng dân kêu, vua đã gọi các tướng lại nói rằng « Được nước là cốt được lòng dân. Nay Châu văn Tiếp đã mất nên quân Xiêm phá phách không sao chê ngự được. Được Gia-định mà không đáp lại lòng kỳ vọng của dân, ta không nỡ làm. Thà rằng rút quân về để cho dân ta khỏi khổ » (1). Nhưng khi Nguyễn Ánh chưa liệu được để triệt thời quân Xiêm, thì Nguyễn Huệ đã vào đuổi họ đi.

Sau này, khi lên làm vua rồi, Gia-long càng nghĩ nhiều đến dân chúng. Thuê má trong đời vua tương đối rất nhẹ. Vua ân cần giúp đỡ dân trong những lúc tai nạn. Nhiều lần vua đã dạy các quan hãy xây ra việc bắt tróc làm cho dân khổ, thì hãy lấy lúa gạo giúp ngay, rồi sẽ tâu sau. Lại khi luật đã ban hành, những chỗ nào luật nặng hơn lệ thường, vua dạy cứ chiếu lệ mà làm, đừng theo luật mới.

(1) *Thực-lục* đệ nhất kỷ, q. 2, tờ 14b.

4. TRI ỨC RỘNG RÃI

Một điểm nữa đáng nêu ra về Gia-long, đó là tấm hiểu biết rộng rãi của vua. Vua là một kẻ khôi phục và sáng nghiệp, nên trí óc vẫn có một cái gì phiêu lưu, bao quát. Phải chăng vua là một nhà cầm quyền đầu tiên ở Đông-Á đã lợi dụng sự tiến bộ của Tây phương. Vào hạ bán thế kỷ XIX, Minh trị của Nhật-bản mới sang nhờ kỹ-thuật của các nước Âu-châu, nhưng vào cuối thế-kỷ XVIII, Nguyễn Ánh đã đem kỹ thuật đó ra áp dụng. Việc cho đưa con 4 tuổi, Hoàng-tử Cảnh qua đến Pháp đình, không phải là một cử chỉ đầy can đảm và táo bạo hay sao ?

Rồi vua còn rộng rãi nữa và, trong cách đón tiếp các tư tưởng Tây-phương vua biết nghe, biết học hỏi. Vua biết phân biệt cái hay, cái dở nơi kẻ khác cũng như nơi mình. Rõ hơn hết, vua biết tôn trọng tự do tín ngưỡng. Trong lịch-sử Việt-nam, từ khi dân Việt-nam có kẻ theo đạo công-giáo cho đến khi người Pháp sang đô hộ, không bao giờ họ được yên tâm hành đạo cho bằng dưới thời Gia-long. Tình trạng đó, có thể nói được là do lòng của vua biết ơn Bá-đa-lộc; nhưng nó cũng là một chứng cứ của lòng rộng rãi nhà vua.

Lược qua thân thế của Gia-Long, chúng ta thấy rằng vua không phải là một người chỉ có những điều tốt, nhưng vua vẫn có nhiều đức tính quý hóa vượt hạng người thường, nó sẽ giúp vua hoàn thành một sự nghiệp lớn.

II — SỰ NGHIỆP GIA-LONG

Lịch sử Việt-nam đã ghi lại nhiều vị anh hùng đầy nghiệp, nhưng ít khi gặp được một người vừa là tướng tài, vừa là nhà cai trị giỏi như Gia-long. Thật vậy, thời Gia-long là một thời thịnh trị lâu dài, không có một nội loạn nào trong nước, ở ngoài lại được lân bang kính nể, Tây phương tôn trọng, cùng đầy đầy những chính sách ích quốc lợi dân.

A — NỘI - TRỊ

1 — HÀNH CHÁNH

a) Trung-ương.

Trước hết, nên nói về việc thay đổi quốc hiệu. Kể từ ngày lập quốc, nước ta phần nhiều gọi là Đại Việt. Nhưng Đại Việt chỉ là linh thổ đi vào xa lắm, cũng mới đến vùng Thuận-hóa, Quảng-nam. Từ đó vào Gia-định, có thể nói được là công trình khai sáng của các Chúa Nguyễn. Khi đã thông

nhất đất nước, từ Cà-mầu đến Nam-quan, vua Gia-long thấy rằng tên Đại-Việt không còn thích hợp nữa và muốn đặt một tên khác : Nam-Việt. Gia-long xin Thanh-Đề nhận tên mới đó. Nhưng tên mới trùng với quốc hiệu của Triệu-Đà ngày trước, mà nước của Triệu-Đà xưa gồm cả Quảng-Đông, Quảng-Tây. Nhận thấy sự khó khăn, vua Thanh-Đề nghị lấy tên Việt-Nam thay vào, vị lẽ rằng tiếng Việt gồm Việt-thường, một tên cũ đôi khi dùng để chỉ vùng Đại-Việt, và Nam, gồm Nam-giao, chỉ miền đất ở phía nam. Gia-long chấp nhận.

Đề nêu cao tinh-thần cho quốc-gia mới, Gia-long nghĩ ngay đến việc xây đắp kinh-thành. Công việc bắt đầu từ 1804, và còn để lại một kỷ quan cho đến ngày nay. Chọn Phú-Xuân làm thủ phủ thay Thăng-Long, chẳng những vua đã giữ kỷ niệm của các Chúa trước, mà còn có ý cho cân xứng Nam-Bắc, và cho việc cai-trị của trung-ương được dễ dàng.

Ở trung-ương, việc tổ chức đại khái giống dưới đời Lê. Dưới vua, không có các chức Tham-tụng, Bồi-tụng, và lục bộ chịu trách nhiệm trực tiếp với vua. Lục bộ vẫn là Bộ Lại, bộ Lễ, bộ Hộ, bộ Binh, bộ Hình, bộ Công, và người đứng đầu mỗi bộ gọi là Thượng-thư. Thượng-thư có Tham-tri, Tụng-lang, giúp việc. Từ năm 1803, vua ra lệnh rằng bên võ từ chức phó-tướng, bên văn từ chức tham-tri trở lên, mỗi tháng phải hội bẩm lần vào các ngày 1, 8, 15, 22, ở Tòa Hữu-vu để hỏi có việc gì chưa quyết đoán, phải thương đồng xử quyết cho xong, còn việc quan trọng cũng phải chậm chước bàn định rồi tâu lên. Khi đã xưng đế, từ 1806, hằng tháng, ngày sóc ngày vọng có đại triều, và các ngày 5, 10, 22, 25 có thường triều ở điện Cán-Chánh.

Tại tổ chức trung ương, với sự bỏ bớt các quan Tham-tụng, Bồi-tụng, chúng ta ghi nhận được một khuynh hướng trực tiếp cầm quyền nơi vua Gia-long. Nhưng sự trực tiếp cầm quyền này có lẽ không phải do ý muốn chuyên chế, cho bằng tính ưa làm việc. Bởi vì, chúng ta sẽ thấy ở tổ chức địa phương tại Bắc-hà và Gia-định, vua lại giữ chế độ gián tiếp.

b) Địa-phương :

Về tổ-chức địa phương, Gia-long chia toàn quốc ra làm 23 trấn, 4 doanh, nhưng một điều đáng chú ý là các trấn doanh đó được chia làm ba miền, miền trung từ Thanh-hóa đến Bình-thuận, gồm 4 doanh, 7 trấn, Bắc thành gồm 11 trấn, và Gia-định thành gồm 5 trấn. Các trấn ở Bắc-thành và Gia-định thành không trực tiếp với nhà vua, mà qua sự trung gian của

một tông trùn. Cách tổ chức này rất thích hợp với địa thế nước ta, vì miền Nam và Bắc quá xa kinh đô, lại đường thông thương không tiện lợi.

Các trùn có một trùn thủ đứng đầu, có cai bạ và ký lục giúp việc cai trị. Vua định lệ cứ 3 năm một lần cho thanh tra đi khám xét các trùn.

Dưới trùn, là phủ, huyện, có tri phủ, tri huyện đứng đầu. Phủ, huyện, cũng ba năm phải qua một kỳ thanh tra, và hai kỳ thanh tra như thế hợp thành một khóa để thăng thưởng hoặc phạt tội các quan chức.

Nhưng vua biết các tri phủ, tri huyện hay bị cấp trên hành hạ, nên ra lệnh rằng khi các quan đó bị dân kiện, quan trùn không được gông trời, nhưng nếu tội nhẹ thì hãy đòi đền thâm văn, còn tội nặng thì tâu thăng lên vua.

Vua Gia-long cũng đề ý đền hương thôn, lập điều lệ trong hương đảng, khuyên hào mục đừng làm gì thái quá cho khỏi hại dân, và giục họ bảo tồn thuần phong mỹ tục.

2 — QUÂN SỰ

Thời Gia-long là một thời bình, nhưng kinh-nghiệm của một phần tư thế kỷ chinh chiến đã cho vua biết giá trị cũng như cách tổ chức lực-lượng quân sự. Vua chia bộ binh làm 5 quân, tức là tiền, hậu, tả, hữu, trung; mỗi quân chia làm 8 cơ, mỗi cơ 10 đội; mỗi đội gồm 60 người (nếu là đội thị vệ thì gồm 120 người). Tất cả có 600 người trong mỗi vệ, và 4.800 người trong mỗi dinh. Các sĩ-quan gồm có đội trưởng coi đội chưởng cơ đứng đầu cơ, chưởng quân đứng đầu quân. Thuộc về bộ binh, có một số voi không nhất định, có khi đến 800 con, trong số đó bao giờ cũng phải có 130 con ở tại kinh-đô.

Ngoài 5 quân, vua còn tổ chức 5 dinh, các dinh này cũng tổ chức như các quân, là gồm cơ, đội, mỗi dinh gồm 5 cơ, mỗi cơ gồm 10 đội, v.v...

Ở các tỉnh còn có giản binh, ít hay nhiều tùy từng tỉnh. Năm 1810, khi Xiêm đe dọa Chân-Lạp, vua còn bảo Gia-định mộ hương-binh để đề phòng.

Thủy lực của Gia-long gồm chừng 200 tàu chiến, mỗi chiếc trang bị từ 16 đến 22 đại bác; 100 ghe lớn, từ 50 đến 70 quai chèo và trang bị súng, đại bác; 500 ghe nhỏ, từ 40 đến 44 quai chèo, cũng có súng và đại bác.

Thực ra Gia-long rất chú trọng đến vấn đề lực lượng quân sự, và hằng ngày viêng thăm xưởng đóng tàu của vua. Tất cả lực lượng trong thời bình đã có đến chừng 80.000 người; như thế, xảy ra chiến tranh, vua có thể có sẵn sàng 200.000 người.

3 — PHÁP LUẬT

Các Chúa Nguyễn, từ ngày tách ra một cõi ở Thuận-hóa, trong việc trị dân, thường chiều theo lệ hơn là theo luật, và những khi cần đến luật, thì luật đó là bộ luật Hồng-Đức.

Muốn cho luật pháp được rõ ràng hơn, Gia-long đã đặt Nguyễn văn Thành làm tông tài đứng đầu một ban soạn thảo luật mới. Công việc bắt đầu từ 1811 và đến 1815 mới xong. Năm đó luật được ban hành. Luật Gia-long, gồm 396 điều, chia làm 22 quyển, lấy luật Hồng-Đức và luật nhà Thanh làm căn bản. Quan-niệm theo tư-tưởng pháp lý Á-Đông, bộ luật mới không có điều gì lạ, phần nhiều chỉ là để bảo đảm luật tự nhiên và duy trì phong-hóa.

4 — TÀI CHÁNH

Khi nói đến việc thuê má, Gia-long ban chiếu nói : « không phải trốn thuế mà nhà mới đủ, cũng không phải lầy thuế nặng mà nước mới giàu. Từ Đức Thái-vương ta gây cơ nghiệp đến bây giờ, phép thu thuế không nặng không nhẹ; ruộng thời có ba bậc, đình thì có chính hộ, khách hộ khác nhau; bởi vì đất có chỗ xấu chỗ tốt không đồng, dân có nhà giàu, nhà nghèo không cân, nên phải tùy hạng đánh thuế. Lúc trước Tây-sơn dấy loạn, bỏ hết phép cũ, cho là dân gian ít ruộng nhất đẳng nhị đẳng, mà ruộng tam đẳng thì nhiều, nên không chia hạng cứ thâu mỗi mẫu 35 thăng lúa làm thường, còn như thế chân cũng không chia người chánh, ngụ, bắt nộp một hạng. Lúc ấy đánh thuế nặng quá, dân bị hại đã vài mươi năm rồi. Trăm khôi phục dư đồ thiên hạ nhất thông, đã biết các việc hại dân, nên phải bỏ các tệ đoan. Vậy truyền đình thần định thuế lại cho nhẹ, để dân gian biết ngạch thuế chánh-cung » (1).

Với nguyên tắc đại độ đó, ngạch thuế đã được định nhất đẳng điển 30 thăng, nhị đẳng điển 20, tam đẳng điển 10. Tuy vậy, hễ đâu bị tai nạn, hay mất mùa thì nhà vua truyền tha hoặc giảm. Việc định kỳ nộp thuế cũng được sắp đặt để cho dân được tiện lợi, như từ Quảng-bình đến Bình thuận, mỗi năm nộp một kỳ từ tháng 4 đến tháng 7; từ Hà-tĩnh trở ra, mỗi năm hai kỳ, kỳ hạ thâu từ tháng 4 đến tháng 6, kỳ đông từ tháng 10 đến tháng 11.

1) Winslow, *Obscure Diseases of the Brain* p. 250 et sv.